

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN

*Ngô Viễn Phú**

1. Khái niệm và địa vị pháp lý của tổng giám đốc công ty cổ phần

Tổng giám đốc là một chức danh có quyền và nhiệm vụ điều hành công việc quản lý kinh doanh thường nhật của công ty, là cán bộ quản lý cao cấp của công ty do Hội đồng đồng sự uỷ nhiệm để trợ giúp Hội đồng đồng sự điều khiển nghiệp vụ kinh doanh. Theo pháp luật Trung Quốc và Việt Nam, mỗi công ty cổ phần đều phải có (tổng) giám đốc, hơn nữa, pháp luật hai nước còn quy định một cách kỹ lưỡng quyền hạn của chức danh này. Điều này đã làm cho nhiều luật gia Trung Quốc kết luận rằng, tổng giám đốc là cơ quan điều hành của công ty, vì nó là do Hội đồng đồng sự bổ miễn nhiệm và phụ thuộc vào Hội đồng đồng sự¹.

Ở các nước khác, tổng giám đốc nói chung là một chức danh do điều lệ công ty quỹ định mang tính tùy ý. Nó là cơ quan thường trực trợ giúp điều hành nghiệp vụ cho Hội đồng đồng sự, chứ không phải là một cơ quan của công ty. Về địa vị pháp lý của tổng giám đốc, ở các nước theo hệ thống luật lục địa, luật thương mại thường quy định nó như là người giúp việc quản lý kinh doanh của một thương nhân. Nó phụ thuộc vào người thương nhân (chủ doanh nghiệp) và giữ nhiệm vụ trợ giúp thương nhân thông qua kế ước làm thuê (hợp đồng lao động). Trong nội bộ doanh nghiệp nó phục tùng mệnh lệnh và chỉ huy của chủ doanh nghiệp; trong nghiệp vụ đối ngoại thì nó là người giúp việc của người chủ với địa vị pháp lý là người đại diện². Luật Thương mại Nhật Bản lại gọi

giám đốc là “người sử dụng thương mại” hoặc “người chỉ phối”, có nghĩa là, nó là người được giao nhiệm vụ phụ trách và khống chế hoạt động kinh doanh của công ty, hoặc phụ trách và khống chế các đơn vị chi nhánh, các bộ môn sản xuất kinh doanh của công ty. Điều 553 của Dân luật Đài Loan đã định nghĩa giám đốc là “người quản lý nghiệp vụ của công ty và có quyền ký nhận cho mình”. Bộ luật Dân sự Italy định nghĩa giám đốc là “người được uỷ nhiệm bởi người chủ doanh nghiệp để quản lý kinh doanh doanh nghiệp đó” (Điều 2203). Luật Thương mại Việt Nam không đề cập đến giám đốc. Trung Quốc hiện nay chưa có luật thương mại.

Nói chung, hiện nay luật công ty của các nước không định nghĩa một cách rõ ràng về khái niệm tổng giám đốc công ty. Chính vì vậy đã nảy sinh ra hai quan niệm chủ trương về khái niệm tổng giám đốc: một loại luật gia dựa trên cơ sở nguyên tắc “luật đặc biệt không có quy định thì chiếu theo luật chung” và kết luận rằng, tổng giám đốc công ty có thể áp dụng quy định về giám đốc của luật thương mại, bởi vì luật công ty là luật đặc biệt còn luật thương mại là luật chung. Còn một số luật gia khác thì giữ quan niệm phản đối, chẳng hạn như học giả Đài Loan Vương Lệ Ngọc chỉ ra rằng: “Cho dù giám đốc công ty thuộc về giám đốc của luật thương mại, nhưng bởi vì doanh nghiệp (ở đây “doanh nghiệp” là một khái niệm của luật thương mại, tương đương với doanh nghiệp cổ điển) và công ty là hai tổ chức kinh tế khác hẳn với nhau về mặt thiết kế chế độ, quyền hạn của giám đốc doanh nghiệp cũng khác biệt với giám đốc công ty, cho nên khái niệm pháp lý

* NCS Trung Quốc tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ Mai Thận Thực (2002), *Luận về cơ cấu quyền lực cơ quan của công ty hiện đại*, Nxb Đại học chính pháp Trung Quốc, Bắc Kinh

² Long Điện Tiết (Nhật Bản), *Lược luận luật thương*

mại (bản dịch tiếng Hán) Nxb Nhân dân Cam Túc, năm 1985.

của chúng cũng cần phải phản ánh sự khác biệt này”³.

Chúng tôi tán thành quan niệm thứ hai. Bởi vì doanh nghiệp không đồng nghĩa với công ty, địa vị pháp lý của giám đốc của hai tổ chức kinh tế đó cũng có sự khác nhau. Khái niệm giám đốc của luật thương mại xuất phát từ góc độ trách nhiệm cụ thể của cá nhân mà đề cao tư cách chủ thể của giám đốc, trong khi luật công ty thì xuất phát từ góc độ luật tổ chức mà nhấn mạnh giám đốc là một chức danh đóng một vai trò là cơ quan trong quản lý công ty. Sự khác biệt về giám đốc giữa hai đạo luật dẫn đến có hai quan niệm giá trị về mặt lập pháp: Luật thương mại đặt giám đốc nằm ở một địa vị là một bên của kế ước, quy định quyền lợi kế ước của người giám đốc, đề cao việc chủ doanh nghiệp còn bảo tồn chủ quyền quản lý kinh doanh và khống chế doanh nghiệp, gắn bó sở hữu và khống chế. Trong khi, luật công ty thì nhấn mạnh quyền lực của giám đốc, bảo đảm quyền tự chủ quyết định và khả năng phán đoán kinh doanh nhằm xúc tiến công việc kinh doanh chuyên nghiệp hoá và có hiệu quả hơn.

Trong các nước theo hệ thống luật Anh Mỹ, luật án lệ đã có điều thể hiện quy chế thực hiện quyền của giám đốc. Chẳng hạn, có luật án lệ của Mỹ cho rằng, giám đốc có nghĩa là người được bổ nhiệm chức danh này có quyền điều khiển một cách tổng hợp và có quyền can thiệp hợp lý đối với công ty của người chủ⁴. Ngoài ra, ở các nước Anh Mỹ, giám đốc (manager) là một khái niệm có tính khái quát, chúng ta thường có thể nhìn thấy được cách nói “đội giám đốc” hoặc “đội quản lý” (management, management team) trong các văn bản quản lý công ty, nó thường bao gồm các quan chức (officer) và cán bộ quản lý cao cấp như chủ tịch Hội đồng đồng sự, CEO (chief executive officer) và phó CEO, các giám đốc bộ phận (division

manager), v.v.

Nói chung, đa số các nước trên thế giới đều nhận định rằng, giám đốc công ty không phải là người chủ (master), cũng không phải là người làm thuê thông thường (servant), mà là người có quyền chỉ huy điều khiển nghiệp vụ và có địa vị cao cấp của công ty. Ở các nước, quan hệ giữa giám đốc và công ty thường được điều chỉnh bởi luật công ty và luật thương mại, chứ không như đối với các công nhân viên chức thông thường là do luật lao động điều chỉnh.

Điều 119 của Luật Công ty Trung Quốc quy định: “Công ty cổ phần thiết lập (tổng) giám đốc, do Hội đồng đồng sự thuê nhiệm và miễn nhiệm. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng đồng sự, thực hiện các chức quyền sau đây...”. Việt Nam cũng quy định như vậy, Điều 85 của Luật Doanh nghiệp đã quy định (tổng) giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Trong điều khoản này còn có quy định các quyền và nhiệm vụ cụ thể của (tổng) giám đốc. Cách pháp định hoá chức quyền của giám đốc công ty như vậy về cơ bản đã làm cho giới luật học Trung Quốc và Việt Nam nhận định rằng giám đốc công ty là một cơ quan của công ty, tối thiểu nó cũng là một nửa cơ quan công ty⁵. Có một học giả Trung Quốc đã tóm tắt gọi Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng đồng sự, tổng giám đốc, Hội đồng giám sự là “Ba và một nửa cơ quan của công ty”⁶. Cách nhận xét như vậy đã tỏ ra lệch lạc với thông lệ của Phương Tây mà theo đó giám đốc chẳng qua là một cơ quan phụ thuộc và trợ giúp của Hội đồng đồng sự, hoạt

³ Huy Nam (2004) trong bài viết này không có “Đại hội cổ đông” chỉ có “Đại hội đồng cổ đông” có câu: “Khung tổ chức hoàn thiện của một công ty cổ phần gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành trực tiếp đứng đầu là Tổng giám đốc”. Tạp chí Đầu tư Chứng khoán số 225/2004.

⁶ Mai Thận Thực (2002), *Luận về cơ cấu quyền lực cơ quan của công ty hiện đại*, Nxb Đại học chính pháp Trung Quốc, Bắc Kinh.

³ Vương Lệ Ngọc, *nguyên cứu về chế độ giám đốc công ty*, Tạp chí Luật học Phú nhân số 10/1982

⁴ Thẩm Tứ Báo (1984), *Khái luận Luật công ty của các nước phương tây*, Nxb Trường Đại học Bắc Kinh

động hoàn toàn dưới sự uỷ quyền và giám sát của Hội đồng đồng sự.

Cách nhận xét về tổng giám đốc công ty ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam xuất phát và dựa trên cơ sở quy phạm pháp luật cũng như thực trạng của thực tiễn. Trong quá trình vận hành của các doanh nghiệp nhà nước, từ lâu cho đến nay, tổng giám đốc luôn luôn là một quan chức nắm giữ quyền lực toàn diện và thiếu sự chế ước và kiểm soát bởi một cơ quan nào của doanh nghiệp. Trong các công ty cổ phần mới được chuyển đổi cơ chế, tình trạng này vẫn chưa cải thiện đáng kể. Vì là một chức danh pháp định và có quyền hạn rõ ràng do luật công ty quy định, dẫn đến tình trạng tổng giám đốc nắm quyền tự quyết và có xu hướng chống đối sự kiểm soát của Hội đồng đồng sự.

Luật Doanh nghiệp Việt Nam còn quy định: “Trường hợp điều lệ công ty không quy định chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật, thì tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty” (Điều 85 khoản 1). Nếu thật sự là vậy, thì sẽ dẫn đến tình trạng tổng giám đốc có quyền lực quá lớn đến mức độ nó đã vượt lên trên Hội đồng đồng sự, sau đó sẽ không phải tổng giám đốc chịu sự kiểm soát và trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, mà ngược lại, Hội đồng quản trị sẽ đành phải chịu sự khống chế và chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc. Điều này thật là một khó khăn thực sự đối với công việc quản lý công ty.

2. Quyền và nhiệm vụ của tổng giám đốc

Chức quyền của tổng giám đốc xuất phát từ sự uỷ quyền của Hội đồng đồng sự, cho nên bản chất pháp lý của chức quyền đó là quyền đại diện. Quyền của tổng giám đốc chứa đựng hai quyền năng đó là quyền quản lý điều hành và quyền đại diện. Quyền quản lý điều hành có nghĩa là tổng giám đốc có quyền quản lý kinh doanh và xử lý nghiệp vụ trong phạm vi được uỷ quyền. Quyền đại diện có nghĩa là tổng giám đốc có quyền nhân danh công ty để xác lập giao dịch với người bên ngoài, và làm cho công ty trực tiếp

nhận kết quả pháp luật của các giao dịch đó. Theo học thuyết uỷ thác đại diện, quyền đại diện của tổng giám đốc có cội nguồn từ sự uỷ quyền của người uỷ quyền. Với sự uỷ quyền, hành vi của tổng giám đốc đã đồng nhất với hành vi của công ty trong hoạt động kinh doanh đối ngoại, và công ty chịu mọi kết quả của các hành vi đó.

Quyền đại diện của tổng giám đốc phản ánh mối quan hệ pháp luật đối ngoại nhiều hơn là phản ánh mối quan hệ giữa người uỷ quyền và người được uỷ quyền, trong khi mối quan hệ giữa người uỷ quyền và người được uỷ quyền giao cho kẻ ước uỷ thác hoặc các nghĩa vụ pháp định để điều chỉnh. Chính vì vậy, người uỷ quyền (công ty) không được phép từ chối nhận các hậu quả mà tổng giám đốc đã làm giao dịch với người thứ ba, cho dù tổng giám đốc đã vượt quá quyền hạn được giao. Thế là tính hiệu lực của quyền tổng giám đốc có sự tách biệt với tính hiệu lực của hành vi là căn cứ hay cơ sở của quyền đó (hành vi uỷ quyền và bổ nhiệm, hành vi làm thuê).

Nhưng chúng ta còn phải lưu ý rằng, quyền đại diện của tổng giám đốc về cơ bản có cội nguồn từ sự uỷ quyền của Hội đồng đồng sự và có phạm vi quyền hạn tương tự với chức quyền được giao, chứ không phải là quyền đại diện theo pháp luật của công ty. Việc Điều 85 của Luật Doanh nghiệp Việt Nam quy định tổng giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của công ty, sẽ không tránh khỏi một hậu quả là tổng giám đốc đứng ở một địa vị pháp lý cao hơn Hội đồng đồng sự, thế là mâu thuẫn với quy định “tổng giám đốc do Hội đồng đồng sự lựa chọn và bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước Hội đồng đồng sự về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao” (Điều 85 khoản 1 của Luật Doanh nghiệp), là không phù hợp lôgích. Xét về thực tiễn nó sẽ làm hỗn loạn cho cơ cấu quản lý của công ty, tạo điều kiện cho tổng giám đốc vượt ra khỏi kiểm soát của Hội đồng đồng sự. Đó là một khiếm khuyết của sự quản lý công ty.

Về các chức quyền của tổng giám đốc,

luật công ty của đa số các nước trên thế giới đều không có quy định một cách cụ thể, mà cứ giao cho điều lệ công ty và Hội đồng đồng sự xác định. Sở dĩ như vậy là vì tổng giám đốc không phải là cơ quan cấp công ty, mà là do Hội đồng đồng sự bổ nhiệm và uỷ quyền mới được hình thành. Chính vì vậy, quyền và nhiệm vụ của tổng giám đốc giao cho điều lệ công ty và Hội đồng đồng sự để mà xác định là hợp lý hơn. Thêm vào đó, mỗi công ty có quy mô và đặc điểm riêng biệt của mình, mỗi công ty hiểu biết mình cần làm thế nào mới phù hợp hơn với tình hình thực tế của mình. Sẽ là không phù hợp thực tế nếu pháp luật bắt buộc mọi công ty phải thiết lập một chức danh và quy định quyền hạn như nhau của nó. Cách quy định như vậy không phù hợp tính chất của luật công ty là luật tư mang tính tuỳ ý (tự do). Một luật gia Đài Loan ông Võ Nghi Thuyền nói rất hay: “Việc quản lý điều hành nghiệp vụ của công ty phức tạp và đơn giản khác nhau đối với mỗi công ty khác nhau, cho nên pháp luật không nên bắt buộc mọi công ty phải thiết lập giám đốc, cứ giao cho các công ty tuỳ ý, như thế sẽ phù hợp với thực tế hơn”⁷.

Theo Điều 119 của Luật Công ty Trung Quốc, tổng giám đốc có các chức quyền sau đây:

1) Chủ trì công tác quản lý sản xuất kinh doanh của công ty, tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng đồng sự; 2) tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh năm và phương án đầu tư; 3) lập phương án bố trí cơ cấu tổ chức nội bộ; 4) lập các quy chế quản lý của công ty; 5) lập các quy tắc cụ thể của công ty; 6) kiến nghị thuê nhiệm và thôi nhiệm phó tổng giám đốc và kế toán trưởng của công ty; 7) thuê nhiệm và thôi nhiệm các cán bộ quản lý trừ các chức danh do Hội đồng đồng sự thuê nhiệm và thôi nhiệm; 8) dự thỉnh cuộc họp Hội đồng đồng sự; 9) các chức quyền khác theo quy định của điều lệ công ty và quyết định của Hội

đồng đồng sự.

Ngoài các quyền hạn nêu trên, Mẫu điều lệ áp dụng cho các công ty niêm yết Trung Quốc còn bổ sung thêm các chức quyền như sau:

10) lập các quy chế về tiền lương, phúc lợi và thưởng phạt của công nhân viên chức và quyết định việc thuê hay thôi thuê của chúng; 11) kiến nghị triệu tập họp Hội đồng đồng sự bất thường.

Điều 85 của Luật Doanh nghiệp Việt Nam quy định tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty; b) tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị; c) tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; d) kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; đ) bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức; e) quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của tổng giám đốc; g) các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Bên cạnh các quyền trên, Mẫu điều lệ áp dụng cho các công ty niêm yết Việt Nam còn tiếp tục nêu ra các quyền hạn của tổng giám đốc một cách cụ thể và kỹ lưỡng hơn (Điều 26.3 của Mẫu điều lệ).

Thông qua nghiên cứu so sánh hai nhóm điều luật về quyền của tổng giám đốc của hai nước Trung-Việt, chúng ta có thể thấy rằng, tổng giám đốc của hai nước tương tự với nhau cả về mô hình lập pháp lẫn về nội dung quyền hạn. Tiếp tục chúng ta có thể đặt ra một câu hỏi đó là: Cách bố trí quyền hạn cho tổng giám đốc như trên có tính hợp lý và thoả đáng hay không? Vấn đề này cần được xem xét kỹ hơn và cần có câu trả lời thoả đáng.

Không thể phủ nhận rằng các quyền nêu trên đáng lẽ là thuộc về thẩm quyền của Hội đồng đồng sự, vì Hội đồng đồng

⁷ Võ Nghi Thuyền (1980), *Luận về luật công ty*, Nxb Cục Sách Ba Dân, Đài Loan.

sự là cơ quan chấp hành của công ty. Hiện nay pháp luật đã phân định các quyền lực chuyên môn đó dành cho tổng giám đốc, thế là không thể tránh khỏi tình trạng làm cho tổng giám đốc đã chiếm lấn thẩm quyền của Hội đồng đồng sự.

Cách thức lập pháp về tổng giám đốc của Trung Quốc và Việt Nam sẽ phải chịu trách nhiệm phần nào đối với tình trạng bất ổn (tranh chấp quyền lực) thường xuyên xảy ra giữa đồng sự trưởng (chủ tịch Hội đồng đồng sự) và tổng giám đốc. Để giải quyết vấn đề này, cần phải bãi bỏ cách thức lập pháp như hiện nay, cứ giao cho Hội đồng đồng sự tùy tình hình cụ thể của mình để mà quyết định quyền hạn của tổng giám đốc. Như thế, quyền hạn của tổng giám đốc của một công ty nào đó có thể thậm chí to hơn quyền pháp định như hiện nay, nhưng vì Hội đồng đồng sự nắm bắt quyền chủ động, tình hình thực tế sẽ khác hẳn với như hiện nay.

Có thể đặt tên của mô hình lập pháp về tổng giám đốc như Trung Quốc và Việt Nam là “mô hình pháp định”, mô hình này có xuất xứ nguồn gốc của nó. Trong thời kỳ tập trung kế hoạch hoá kinh tế, hầu hết mọi doanh nghiệp đều thuộc sở hữu nhà nước và tập thể, lãnh đạo hành chính của các doanh nghiệp lúc đó (chủ yếu được gọi là “nhà xưởng”, “nhà máy”, “công ty”, “cửa hàng”) được gọi là “xưởng trưởng”, “giám đốc”. Trong những năm thập kỷ 80 thế kỷ vừa qua Trung Quốc thực hiện cải cách công ty hoá (không đồng nghĩa với “cổ phần hoá”) các doanh nghiệp nhà nước và tập thể, thế là “giám đốc” hoành hành cả Trung Hoa lục địa. Theo các văn bản pháp luật hữu quan và cách làm thực tiễn lúc đó, giám đốc của công ty tập trung tất cả các quyền lực quyết sách, điều hành và đại diện theo pháp luật của công ty vào bản thân một mình. Khái niệm giám đốc ấy được xác định khác với khái niệm “giám đốc (manager)” chính thống ở các nước phương Tây. Vào thập kỷ 90 Trung Quốc bắt đầu thực hiện cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước và bắt tay xây dựng công trình luật công ty (Luật công ty lần đầu tiên ra đời vào năm 1993). Trong luật này những nhà lập pháp đã phần

nào thừa kế quan niệm cũ về khái niệm “giám đốc” và đã quy định rất rộng rãi và cụ thể chức quyền của tổng giám đốc công ty. Trong khi đó, Luật công ty Trung Quốc đã quy định đồng sự trưởng (chủ tịch Hội đồng quản trị) là người đại diện theo pháp luật của công ty (Điều 113), nhưng chức quyền của đồng sự trưởng thì ít hơn so với tổng giám đốc. Quy định như vậy không thể tránh khỏi tình trạng đồng sự trưởng sẽ cuối cùng bị mất quyền lực làm người đại diện theo pháp luật của công ty, bởi vì quyền đại diện theo pháp luật cần có sự dựa cậy và bảo đảm của những quyền lực thiết thực. Tình trạng mất cân đối của việc bố trí quyền hạn giữa đồng sự trưởng và tổng giám đốc đã tạo khả năng cho sự xảy ra đấu tranh quyền lực giữa hai chức danh này. Ở thành phố Thượng Hải Trung Quốc, vào năm 1996 có một công ty đã từng xảy ra vụ án là người tổng giám đốc liên hiệp với một số đồng sự triệu tập họp Hội đồng đồng sự và bãi nhiệm đồng sự trưởng, và ngay sau đó, tuyên bố bổ nhiệm một đồng sự khác làm đồng sự trưởng của công ty⁸.

Để tránh khỏi tranh cãi bất hoà giữa đồng sự trưởng và tổng giám đốc, nhiều công ty thực hiện giải pháp đồng sự trưởng kiêm nhiệm tổng giám đốc. Thế là quyền lực của đồng sự trưởng và tổng giám đốc tập trung vào trong một người, làm cho quyền lực của tổng giám đốc bành trướng càng quá lớn hơn, càng làm cho tổng giám đốc có điều kiện miễn khỏi sự kiểm soát của Hội đồng đồng sự, mà ngược lại đã lên tới một địa vị khống chế Hội đồng đồng sự.

Trước tình trạng như vậy, nhiều luật gia đều đổ lỗi cho cách thức lập pháp hiện hành. Một luật gia Trung Quốc Tạ Hoài Thế chỉ ra rằng: “Đã là chức danh được bổ nhiệm bởi Hội đồng đồng sự, thì chức quyền của giám đốc cần phải được quy định thông qua họp đồng uỷ thác, chứ không nên do pháp luật quy định trực tiếp. Giám đốc không phải là

⁸ .Mai Thiện Thực (2001), *Luận về sự vận hành quy chuẩn của cơ cấu quản lý công ty hiện đại*, Nxb Pháp Chế Trung Quốc, Bắc Kinh.

cơ quan công ty, mối quan hệ giữa họ với công ty là mối quan hệ uỷ thác đại diện. Việc giám đốc thực hiện chức quyền đối ngoại là trên cơ sở căn cứ quyền đại diện của họ. Mọi quyền hạn của giám đốc xuất phát từ sự uỷ quyền của Hội đồng đồng sự, là phụ thuộc vào chứ không phải độc lập với Hội đồng đồng sự”⁹. Trên cơ sở nhận định như vậy, nhiều luật gia kiến nghị cần thiết phải sửa đổi cách quy định hiện hành về quyền tổng giám đốc của Luật công ty, giao cho các công ty tự do quyết định điều đó trong điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng đồng sự, để có sự thể hiện rõ hơn tính đại diện theo uỷ thác của tổng giám đốc, và để quyền hạn của tổng giám đốc có sự giới định rõ ràng tùy theo từng tình hình của mỗi công ty. Có lẽ chương trình sửa đổi Luật Công ty Trung Quốc đang diễn ra hiện nay sẽ có điều chỉnh đạt theo ý kiến như vậy.

3. Quyền hạn của tổng giám đốc ở một số nước khác

Trong thực tế, tổng giám đốc công ty có quyền lực rất lớn, đôi khi đã vượt ra ngoài khuôn khổ mà văn bản pháp luật đã quy định. Thậm chí, thay vì vị trí của chủ doanh nghiệp truyền thống, giám đốc đã lên tới đỉnh cao của thang bậc quyền lực của công ty, thực hiện hầu hết tất cả các quyền năng trong quá trình vận hành tài sản của công ty. Ở Mỹ, Hội liên hiệp của các đồng sự công ty toàn Mỹ có một văn kiện tên là *Sự đánh giá công trạng của CEO, Hội đồng đồng sự và đồng sự*. Trong văn kiện này quyền hạn của CEO (chief executive officer) được quy định cụ thể như sau: 1) lập và giới thiệu cho Hội đồng đồng sự chiến lược dài hạn có thể mang lại giá trị cho các cổ đông; 2) lập và giới thiệu cho Hội đồng đồng sự kế hoạch nghiệp vụ và dự toán hàng năm có thể chống đỡ chiến lược dài hạn của công ty; 3) bảo đảm xử lý một cách thoả đáng mọi công việc hàng ngày của công ty; 4) nỗ lực thực hiện

các mục tiêu tài chính và vận hành của công ty; 5) bảo đảm công ty có một đội ngũ quản lý có hiệu quả cao dưới sự lãnh đạo của CEO, và có một kế hoạch thiết thực về bổ sung và phát triển đội ngũ quản lý đó; 6) hợp tác với Hội đồng đồng sự để bảo đảm có một kế hoạch về người kế thừa cương vị CEO; 7) xây dựng và giám sát việc thực hiện các chính sách trọng đại của công ty; 8) đảm nhiệm người phát ngôn chính của công ty¹⁰. Chức quyền của CEO nêu trên có lẽ đã phản ánh một xu hướng là “trọng tâm tổng giám đốc” đã thay thế “trọng tâm Hội đồng đồng sự” trong việc quản lý công ty hiện đại.

Nhưng mọi quyền lực đều cần thiết phải có sự hạn chế và kiểm soát, đây là chân lý bất di bất dịch. Trước mắt xu hướng quyền của tổng giám đốc ngày càng bành trướng, các nước đã không ngừng đưa ra biện pháp để hạn chế chức quyền đó, nhằm bảo đảm quyền kiểm soát và chế ước của Hội đồng đồng sự. Theo quan niệm của Hamilton của Mỹ, tổng giám đốc phải chịu sự hạn chế như sau: 1) sự hạn chế của bản thân chức danh mình. Tổng giám đốc bị giới hạn trong phạm vi quản lý điều hành, họ không có quyền vay vốn, cũng không có quyền hoàn trả lại vốn cho cổ đông. 2) nguyên tắc “suy đoán đã biết”. Theo nguyên tắc này, bất kỳ người nào làm giao dịch với công ty đều bị suy đoán đã hiểu biết nội dung của các văn kiện công khai của công ty. Cho nên, nếu điều lệ công ty có quy định hạn chế chức quyền của tổng giám đốc, thì người thứ ba không được cho rằng chủ trương quy định đó là vô hiệu với lý do tổng giám đốc có quyền bề ngoài mà vượt qua sự hạn chế đó. Ông Hamilton tiếp tục cho rằng, cho dù một viên chức cao cấp giữ chức danh là tổng giám đốc, nhưng chức quyền của họ vẫn có thể bị hạn chế trong một phạm vi giao dịch nhỏ, phổ thông và bình thường¹¹.

⁹ Trương Khai Bình (1998), Nghiên cứu của chế độ pháp luật về đồng sự của công ty Anh Mỹ, Nxb Pháp Luật, Bắc Kinh.

¹⁰ Lương Năng (2000), Cơ cấu quản lý công ty: thực tiễn của Trung Quốc và kinh nghiệm của Mỹ, Nxb Trường đại học nhân dân Trung Quốc, Bắc Kinh

¹¹ Hamilton (Mỹ), bản dịch tiếng Hán “Luật công ty”, Nxb Pháp Luật, Bắc Kinh, năm 1999.

Sự hạn chế quyền lực của tổng giám đốc ở các nước theo hệ thống luật lục địa được thể hiện tại các quy định của pháp luật. Chẳng hạn như Luật Thương mại của Đức quy định: Giám đốc chỉ được chuyển nhượng và thế chấp bất động sản của công ty, chỉ được tuyên bố phá sản công ty sau khi họ được uỷ quyền đặc biệt về điều này. Luật Công ty Thương mại Pháp quy định: Ban giám đốc có quyền lực một cách rộng rãi là vì nó được bất kỳ khi nào cũng có thể nhân danh công ty để tiến hành hoạt động trong phạm vi kinh doanh của công ty, trừ các quyền lực mà pháp luật đã quy định rõ ràng là thuộc về Hội đồng giám sự và Đại hội đồng cổ đông. Trừ các công ty kinh doanh nghiệp vụ ngân hàng và tài chính, đối với việc chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng toàn bộ hay một phần vốn đầu tư, đề xuất biện pháp bảo đảm hay khoản tiền bảo đảm, bảo lãnh, bảo đảm đối với thương phiếu, giám đốc đều phải trình lên Hội đồng giám sự phê duyệt. Ngoài pháp luật hạn chế quyền lực của tổng giám đốc, điều lệ công ty cũng có thể hạn chế quyền lực của họ, nhưng sự hạn chế loại này thông thường không có hiệu lực để chống đối người thứ ba thiện chí¹².

¹² Quan Hán Dung, Chế độ đồng sự độc lập và quản lý công ty: pháp lý và thực tiễn, Nxb Kiểm sát Trung Quốc, năm 2003.

(Tiếp theo trang 32 – Cấu trúc vốn...)

- Cổ phần ưu đãi biểu quyết cần được phát hành trong trường hợp nào? Câu trả lời cho vấn đề này rất cần cho hoạt động của CTCP. Cổ phần ưu đãi phiếu bầu rất dễ tạo ra sự chuyển đổi quyền kiểm soát công ty. Vì vậy, cần phải có những điều kiện nhất định đối với việc phát hành loại cổ phần này;

- Tỷ lệ cổ phần ưu đãi phiếu bầu được chiếm tỷ lệ bao nhiêu trong tổng số cổ phần phát hành và trong tổng số cổ phần đã bán được;

- Điều kiện chuyển đổi cổ phần ưu đãi biểu quyết thành cổ phần phổ thông. Qui định này nhằm tránh tình trạng sử dụng cổ phần ưu đãi biểu quyết để tiến hành thôn tính

4. Kết luận

Tổng giám đốc là người có quyền và nhiệm vụ điều hành nghiệp vụ thường nhật của công ty và là cán bộ cao cấp do Hội đồng đồng sự bổ nhiệm và uỷ quyền, nó chịu sự lãnh đạo và kiểm soát của Hội đồng đồng sự. Địa vị và quyền hạn của tổng giám đốc do điều lệ công ty và Hội đồng đồng sự quyết định, chứ không nên pháp định hoá quyền hạn của tổng giám đốc. Việc làm cho tổng giám đốc kiêm nhiệm đồng sự trưởng (chủ tịch Hội đồng quản trị) là một lựa chọn không sáng suốt. Trong quá trình phát triển của công ty hiện nay, vai trò và quyền hạn của tổng giám đốc có xu hướng gia tăng, vấn đề làm sao để hạn chế và kiểm soát quyền lực của tổng giám đốc là điều trọng yếu của công việc quản lý công ty. Vấn đề này đối với công cuộc hoàn thiện quản lý công ty của Trung Quốc và Việt Nam càng là một điều mang tính trọng đại và bức xúc.

các nhóm cổ đông khác một cách không lành mạnh; Cần quy định tỷ lệ ưu đãi phiếu bầu nhất định cho mỗi cổ phần ưu đãi biểu quyết để tránh tình trạng tùy tiện, lạm dụng trong việc quy định số phiếu bầu ưu đãi với mục đích thôn tính công ty của một số nhóm cổ đông.

Thứ sáu, cần có các qui định của pháp luật phân biệt giữa phát hành ra công chúng và phát hành nội bộ. Việc phát hành cổ phần mới hay phát hành cổ phần lần đầu có ảnh hưởng khá sâu sắc đến cấu trúc vốn của công ty, tương quan giữa các nhóm cổ đông và dĩ nhiên là ảnh hưởng đến cấu trúc quyền lực của CTCP.